

Số: 47.../BC.CTyMTĐT

An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH & KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

Kính gửi: Sở Tài chính An Giang

Căn cứ Công văn số 1972/STC-TCDN ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Sở Tài chính An Giang về việc báo cáo tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của doanh nghiệp nhà nước. Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang báo cáo đánh giá cụ thể như sau:

1. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

Trong năm 2015, với sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân lao động Công ty phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh. Đơn vị tập trung hoàn thành nhiệm vụ trên lĩnh vực vệ sinh môi trường, khai thông hệ thống thoát nước thải, công viên cây xanh, chiếu sáng đô thị, Công ty còn tổ chức thực hiện các hoạt động khác để tăng thêm doanh thu như rút hầm cầu, dịch vụ thu gom vận chuyển rác, thi công các công trình xây dựng cơ bản, điện chiếu sáng... đảm bảo việc làm cho người lao động, chấp hành tốt quy định của luật thuế và phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty còn mở rộng qui mô sản xuất đã đưa dự án Nhà máy xử lý chất thải nguy hại thành phố Long Xuyên vào hoạt động với công suất 15 tấn/ngày (Công suất lò đốt 3 tấn/ngày) và được Tổng Cục Môi trường cấp giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện theo Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Đề án chuyển giao hoạt động dịch vụ công ích cấp huyện cho Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị An Giang, hiện nay đã thành lập các Xí nghiệp Môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang và các Xí nghiệp bắt đầu hoạt động theo mô hình Doanh nghiệp nhà nước vào ngày 01/01/2016.

Công ty luôn nhận được sự quan tâm của UBND tỉnh, UBND thành phố Long Xuyên, sự hỗ trợ kịp thời của các Sở Ban ngành và các cơ quan hữu quan đã giúp Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nguồn vốn được đảm bảo đủ và kịp thời cho hoạt động sản xuất và kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được sắp xếp hợp lý, đội ngũ cán bộ công nhân

viên chức Công ty có trình độ chuyên môn, với nhiều năm kinh nghiệm là một trong những yếu tố quan trọng để Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trong năm các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như sản lượng sản xuất, doanh thu, lợi nhuận đều đạt so với kế hoạch năm 2015 đề ra, cụ thể :

➤ Tổng doanh thu năm 2015 là **49.537 triệu đồng** đạt 110% so với kế hoạch, trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 45.238 triệu đồng; đạt 100% so với kế hoạch, gồm:

Doanh thu dịch vụ công ích: 36.388 triệu đồng

Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh: 8.850 triệu đồng

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 3.755 triệu đồng;

+ Thu nhập khác: 544 triệu đồng

➤ Tổng chi phí năm 2015 là **40.641 triệu đồng** đạt 96% so với kế hoạch, trong đó:

+ Giá vốn hàng bán: 33.179 triệu đồng; đạt 87% so với kế hoạch.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: 6.857 triệu đồng; đạt 165% so với kế hoạch.

+ Chi phí lãi vay: 7 triệu đồng

+ Chi phí khác: 598 triệu đồng

➤ Tổng lợi nhuận trước thuế là **8.896 triệu đồng**; đạt 327% so với kế hoạch; trong đó:

+ Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh: 5.202 triệu đồng

+ Lợi nhuận hoạt động tài chính + khác: 3.694 triệu đồng

➤ Thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước: 4.636 triệu đồng, đạt 130% so với kế hoạch.

➤ Tổng số lao động bình quân năm 2015 là 184 người, quỹ tiền lương thực hiện năm 2015 là 19.500 triệu đồng, tiền lương bình quân 8,832 triệu đồng/người/tháng.

Thực hiện đầy đủ các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chi trả tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định pháp luật.

2. Tình hình thực hiện các dự án:

a) Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy xử lý rác thải nguy hại:

Tổng giá trị vốn đầu tư là: 33.506 triệu đồng; trong đó vốn tự có 30%, vốn huy động 70%; đã hoàn thiện các hạng mục nhà máy xử lý chất thải nguy hại thành phố Long Xuyên. Hiện nay đã được Tổng Cục Môi trường cấp Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại, Công ty đang triển khai liên hệ với các chủ nguồn thải chất thải nguy hại để thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải với công suất 15 tấn/ngày (công suất lò đốt 3 tấn/ngày).

b) Dự án xây dựng trụ sở làm việc Công ty: đã thi công xong đưa vào sử dụng.
c) Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác sinh hoạt, đang thuê tư vấn lập báo cáo dự án.

d) Đề án Cổ phần hóa doanh nghiệp: đang triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ.

đ) Đề án hợp nhất các đơn vị hoạt động công ích trên địa bàn tỉnh An Giang: hiện nay đã thành lập các Xí nghiệp Môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang và các Xí nghiệp bắt đầu hoạt động theo mô hình Doanh nghiệp nhà nước vào ngày 01/01/2016.

Hiện nay, Công ty tiếp tục triển khai dự án mua xe chuyên dùng với tổng giá trị đầu tư là 30.080 triệu đồng, bao gồm 02 chiếc xe ô tô tải chuyên dùng ép chõ rác 6m³, 02 chiếc xe ô tô tải chuyên dùng ép chõ rác 20m³, 10 chiếc xe ô tô tải chuyên dùng ép chõ rác 15m³, để phân bổ cho các Xí nghiệp phục vụ cho công tác thu gom, vận chuyển rác.

e) Các dự án Công ty đã và đang thực hiện từ nguồn vốn ngân sách:

➤ Dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường bãi rác Bình Đức: tổng giá trị vốn đầu tư: 28.851 triệu đồng theo Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 05/11/2012. Nguồn vốn đầu tư 50% ngân sách địa phương, 50% ngân sách trung ương. Hiện nay Công ty đang lấy ý kiến của các Sở, ngành để thay đổi hình thức thực hiện dự án theo phương án chôn lấp hợp vệ sinh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận tại văn bản số 148/BTNMT-TCMT ngày 15/01/2016.

➤ Dự án hạ tầng khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên (giai đoạn 1):

Tổng giá trị vốn đầu tư: 84,277 tỷ đồng theo quyết định 1548/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh (lần 3) dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên (giai đoạn 1) tính đến ngày 31/12/2015.

Hiện nay, tổng mức đầu tư của dự án đã được điều chỉnh lên 101,712 tỷ đồng theo quyết định 129/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên (giai đoạn 1).

Các công việc đang triển khai của dự án:

+ Công ty đang triển khai các hạng mục: cống ngang lộ, đường dẫn, đê bao, san lấp do Công ty Xây lắp An Giang thi công phần xây lắp. Hạng mục: phần điện, nước; hạng mục san lấp mặt bằng và đê bao khu nhà máy tái chế, xử lý rác sinh hoạt và công nghiệp với diện tích 4ha.

+ Hạng mục: hồ chôn lấp rác: đang triển khai thực hiện đầu tư xây dựng hồ chôn lấp rác hợp vệ sinh bằng nguồn vốn của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang.

Phần dự án giai đoạn 2: đang thực hiện lập dự án Quy hoạch tổng thể khu liên hợp diện tích 50ha.

3. Khó khăn, vướng mắc:

Về đơn giá: Hiện nay đơn giá xử lý rác sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang vẫn chưa được ban hành vì vậy các nhà đầu tư chưa yên tâm đầu tư.

Về công nghệ xử lý: Hiện nay trên phạm vi cả nước có rất nhiều công nghệ xử lý rác như đốt, ủ phân, chôn lấp,... nhưng chưa có công nghệ xử lý rác nào đạt chuẩn. Vì vậy việc lựa chọn công nghệ áp dụng phù hợp với tình hình thực tế tại từng địa phương gặp khó khăn.

Về hồ sơ thủ tục: Các dự án xử lý rác trên địa bàn tỉnh đều áp dụng theo đúng trình tự thủ tục xây dựng cơ bản, vì vậy thời gian triển khai kéo dài.

Trên đây là báo cáo tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang. Rất mong được sự quan tâm giúp đỡ của Sở Tài chính An Giang giúp Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC SƠN

UBND TỈNH AN GIANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1B
BÁO CÁO CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG - HỢP NHẤT
KỲ BÁO CÁO NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi	110	D (đồng)	1.676.127.281	1.676.127.281
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111	P (đồng)		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112	P (đồng)		
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước	120	D (đồng)	11.552.963.976	10.801.888.698
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121	D (đồng)		3.000.000.000
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại	122	D (đồng)	11.552.963.976	7.801.888.698
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài	130	D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131	D (đồng)		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại	132	D (đồng)		
4. Vay và nợ dài hạn trong nước	140	D (đồng)		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141	D (đồng)		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142	D (đồng)		
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước	143	D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144	D (đồng)		

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài	150	D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151	D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152	D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153	D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154	D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155	D (đồng)		
6. Vốn điều lệ	200	D (đồng)	204.007.200.000	204.007.200.000
a) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ nguồn Ngân sách Nhà nước	210	P (đồng)		
b) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ HTSX & PTDN	220	P (đồng)		
c) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ HTSX của Công ty mẹ	230	P (đồng)		
d) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ ĐTPT	240	P (đồng)	3.147.978.177	1.189.445.746
đ) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Lợi nhuận sau thuế không phải nộp NSNN	250	P (đồng)		
e) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ việc nhận chuyển giao từ nơi khác	260	P (đồng)		
7. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	300	P (đồng)	4.636.515.036	5.772.219.403
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310	P (đồng)		
- Thuế GTGT	311			
+ Số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	312	P (đồng)	2.413.386.800	3.343.735.104
+ Số thuế GTGT đã nộp trong kỳ	313	P (đồng)	2.985.709.475	2.136.333.380
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	314			
+ Số thuế Tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong kỳ	315	P (đồng)		


 BỘ TÀI CHÍNH VIỆT NAM

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp trong kỳ	316	P (đồng)		
- Thuế TNDN	317			
+ Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	318	P (đồng)	2.004.604.105	2.110.981.701
+ Số thuế TNDN đã nộp trong kỳ	319	P (đồng)	1.625.900.652	2.799.600.912
- Các loại thuế khác, thu NSNN khác	320			
+ Số thuế, thu NSNN khác phải nộp trong kỳ	321	P (đồng)	218.524.131	317.502.598
+ Số thuế, thu NSNN khác đã nộp trong kỳ	322	P (đồng)	218.524.131	317.502.598
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	330	P (đồng)		
- Thuế XNK	331			
+ Số thuế XNK phải nộp trong kỳ	332	P (đồng)		
+ Số thuế XNK đã nộp trong kỳ	333	P (đồng)		
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	334			
+ Số thuế GTGT hàng NK phải nộp trong kỳ	335	P (đồng)		
+ Số thuế GTGT hàng NK đã nộp trong kỳ	336	P (đồng)		
- Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	337			
+ Số thuế TTĐB hàng NK phải nộp trong kỳ	338	P (đồng)		
+ Số thuế TTĐB hàng NK đã nộp trong kỳ	339	P (đồng)		
- Thuế GTGT hàng xuất khẩu	340			
+ Số thuế GTGT hàng XK phải nộp trong kỳ	341	P (đồng)		
+ Số thuế GTGT hàng XK đã nộp trong kỳ	342	P (đồng)		

160
C
10T
101
A
161

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
- Thuế TTĐB hàng xuất khẩu	343			
+ Số thuế TTĐB hàng XK phải nộp trong kỳ	344	P (đồng)		
+ Số thuế TTĐB hàng XK đã nộp trong kỳ	345	P (đồng)		
c) Lợi nhuận nộp NSNN (theo Nghị định 204)	350		6.260.862.799	
- Lợi nhuận phải nộp NSNN	351	P (đồng)	6.260.862.799	
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	352	P (đồng)	2.000.000.000	
8. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	360	D (đồng)	2.338.645.514	2.532.264.736
9. Doanh thu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích	400	P (đồng)	44.006.880.680	36.955.635.208
10. Người quản lý doanh nghiệp	500			
a) Tổng số Người quản lý doanh nghiệp	510	D (người)	6	6
- Người quản lý doanh nghiệp chuyên trách	511	D (người)	5	5
- Người quản lý doanh nghiệp không chuyên trách	512	D (người)	1	1
b) Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý doanh nghiệp	520			
- Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch	521	P (đồng)	1.334.400.000	1.334.400.000
- Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện	522	P (đồng)	1.334.400.000	1.272.000.000
Thu nhập bình quân của Người quản lý doanh nghiệp (người/tháng)	523	P (đồng)	20.950.933	20.920.578
11. Người lao động	600			
a) Tổng số Người lao động	610	D (người)	184	181
b) Quỹ tiền lương của Người lao động	620			
- Quỹ tiền lương kế hoạch	621	P (đồng)	21.080.000.000	20.300.000.000

16045
 CÔNG
 TỈNH
 THÂN
 TUYÊN
 NGUYỄN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
- Quỹ tiền lương thực hiện	622	P (đồng)	19.500.000.000	19.700.000.000
c) Thu nhập bình quân của Người lao động (người/tháng)	623	P (đồng)	10.510.327	10.866.436
12. Số dư đầu tư vào Công ty chứng khoán	710	D (đồng)		
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ	711	P (đồng)		
b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	712	P (đồng)		
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ	713	P (đồng)		
13. Số dư đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ	720	D (đồng)		
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ	721	D (đồng)		
b) Thoái vốn đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	722	P (đồng)		
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ	723	P (đồng)		
14. Số dư đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP	730	D (đồng)		
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP trong kỳ	731	P (đồng)		
b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	732	P (đồng)		
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty tài chính, Ngân hàng TMCP trong kỳ	733	P (đồng)		
15. Số dư đầu tư vào Quỹ đầu tư	740	D (đồng)		
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ	741	P (đồng)		
b) Thoái vốn đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	742	P (đồng)		
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ	743	P (đồng)		
16. Số dư đầu tư vào Công ty bảo hiểm	750	D (đồng)		

30-C
TY
H
H VI
ĐỒ
ANG
1.8

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ	751	P (đồng)		
b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	752	P (đồng)		
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ	753	P (đồng)		
17. Tổng Doanh thu kế hoạch	810	P (đồng)	45.109.000.000	47.261.000.000
18. Lợi nhuận kế hoạch trước thuế TNDN	820	P (đồng)	2.717.000.000	7.574.000.000
19. Thuế và các khoản phải nộp NSNN kế hoạch	830	P (đồng)	3.564.000.000	4.601.000.000
20. Tổng kim ngạch	1000	P (nghìn USD)		
a) Kim ngạch xuất khẩu	1110	P (nghìn USD)		
b) Kim ngạch nhập khẩu	1120	P (nghìn USD)		
21. Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài	1200	D (nghìn USD)		
a) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn chủ sở hữu của DN	1210	D (nghìn USD)		
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn CSH của doanh nghiệp trong năm	1211	P (nghìn USD)		
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn CSH của doanh nghiệp trong năm	1212	P (nghìn USD)		
b) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước	1220	D (nghìn USD)		
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước trong năm	1221	P (nghìn USD)		
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước trong năm	1222	P (nghìn USD)		
c) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài	1230	D (nghìn USD)		
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài trong năm	1231	P (nghìn USD)		
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài trong năm	1232	P (nghìn USD)		
22. Tổng số thu hồi vốn đầu tư ra nước ngoài	1300	P (nghìn USD)		

T.T.N.H. 2016

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
a) Thu hồi vốn đầu tư	1310	P (nghìnUSD)		
b) Lợi nhuận, cổ tức	1320	P (nghìn USD)		
c) Lợi nhuận chuyển về nước	1330	P (nghìn USD)		

An Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2016

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN NGỌC SƠN

PHỤ LỤC SỐ 1



Số TT	Chi tiêu	Các khoản phải thu (Mã số 130+210)		Nợ phải thu khó đòi (V.1)		Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Mã số 139 + 219)		Hàng tồn kho (Mã số 141)		Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149)		Tài sản cố định (Mã số 220)	
		2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
1	2	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
1	DNNN ĐỌC LẬP THUỘC BỘ, UBND												
1	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích												
	- Công ty TNHH MTV Phà An Giang												
	- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi												
	- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	88.719	46.822	1.676	1.676	131		247	136			23.023	37.043
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh												
	Công ty TNHH MTV Xây lắp												
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết												



Số TT	Chỉ tiêu	ĐT tài chính dài hạn (Mã số 250)		Tài sản dài hạn (Mã số 200)		ĐT vào công ty con (Mã số 251)		ĐT vào công ty liên doanh, liên kết (Mã số 252)		ĐT dài hạn khác (Mã số 258)		Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 259)	
		2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
1	2	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38
1	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND												
1	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích												
	- Công ty TNHH MTV Phá An Giang												
	- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi												
	- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị			68.971	37.677								
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh												
	Công ty TNHH MTV Xây lắp												
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết												

PHỤ LỤC SỐ 1



Số TT	Chỉ tiêu	Các khoản vay và nợ ngân hạn còn lại trong nước		Vay ngân hạn nước ngoài (V.3)		Vay ngân hạn các tổ chức tín dụng nước ngoài		Các khoản vay ngân hạn nước ngoài khác		Nợ dài hạn (Mã số 330)		Vay nợ dài hạn (334=V.4 + V.5)	
		2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
1	2	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62
1	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND												
1	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích												
-	Công ty TNHH MTV Phà An Giang												
-	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi												
-	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	7.802	11.553										
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh												
	Công ty TNHH MTV Xây lắp												
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết												

PHỤ LỤC SỐ 1



Số TT	Chỉ tiêu	Vay dài hạn trong nước (V.4)		Vay dài hạn của các tổ chức tín dụng trong nước		Phát hành trái phiếu, tín phiếu trong nước		Thuê tài chính dài hạn trong nước		Các khoản vay dài hạn trong nước khác		Vay dài hạn nước ngoài (V.5)	
		2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
1	2	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74
1	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND												
1	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích												
	- Công ty TNHH MTV Phà An Giang												
	- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi												
	- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị												
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh												
	Công ty TNHH MTV Xây lắp												
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết												

PHỤ LỤC SỐ 1



Số TT	Chỉ tiêu	Vay lại vốn ODA của CP		Vay nước ngoài được CP bảo lãnh		Tự vay tự trả nước ngoài		Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		Các khoản vay nước ngoài còn lại		Nợ quá hạn (V.6)	
		2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
1	2	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86
1	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND												
	1 DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích												
	- Công ty TNHH MTV Phà An Giang												
	- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi												
	- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị												
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh												
	Công ty TNHH MTV Xây lắp												
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết												

22

PHỤ LỤC SỐ 1



Số TT	Chi tiêu	Nguồn vốn đầu tư XD CB (Mã số 421)		Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN (Mã số 422)		Quỹ khen thưởng phúc lợi (Mã số 323)		Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Mã số 339)		Vốn điều lệ đã được phê duyệt		Tổng doanh thu (Mã số 10+21+31)	
		2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
1	2	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110
I	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND												
1	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích												
	- Công ty TNHH MTV Phà An Giang												
	- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi												
	- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị												
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh	331	331		4.261	1.337	6.585			204.700	204.700	46.752	49.537
	Công ty TNHH MTV Xây lắp												
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết												

PHỤ LỤC SỐ 1



Số TT	Chi tiêu	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)		Doanh thu cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích		Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		Thu nhập khác (Mã số 31)		Tổng chi phí (Mã số 11+22+24+25+32)		Lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)	
		2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
1	2	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122
1	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND												
1	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích												
	- Công ty TNHH MTV Phà An Giang												
	- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi												
	- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	42.012	45.238	36.955	44.007	4.621	3.775	119	544	37.075	40.642	9.677	8.896
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh												
	Công ty TNHH MTV Xây lắp												
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết												

11

PHỤ LỤC SỐ 1



Số TT	Chỉ tiêu	Thuế và các khoản đã nộp NSNN trong năm (V.12)		Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau (V.13=V.7+V.8-V.12)		Lợi nhuận sau thuế phát sinh phải nộp NSNN (theo Nghị định 204) (V.15)		Lợi nhuận sau thuế đã nộp NSNN trong năm (V.16)		Kim ngạch xuất khẩu (Đơn vị tính: nghìn USD)		Kim ngạch nhập khẩu (Đơn vị tính: nghìn USD)	
		2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
1	2	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146
1	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND												
1	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích												
-	Công ty TNHH MTV Phà An Giang												
-	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi												
-	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	5.253	4.830	2.532	2.339		6.261		2.000				
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh												
	Công ty TNHH MTV Xây lắp												
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết												

PHỤ LỤC SỐ 1



Số TT	Chỉ tiêu	Tổng số người lao động (người)		Tổng quỹ lương của người lao động (triệu đồng)		TN bình quân của người lao động (nghìn đồng/người/tháng)		Tổng số Viên chức QLDN (người)		Tổng số Viên chức QLDN chuyên trách (người)		Tổng số Viên chức QLDN không chuyên trách (người)	
		2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
1	2	147	148	149	150	151	152	153	154	155	156	157	158
I	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND												
1	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích												
	- Công ty TNHH MTV Phà An Giang												
	- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi												
	- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	181	184	19.700	19.500	10.866	10.510	6	6	5	5	1	1
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh												
	Công ty TNHH MTV Xây lắp												
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết												

PHỤ LỤC SỐ 1



Số TT	Chi tiêu	Tổng Quỹ lương của Viên chức QLDN (triệu đồng)		TN bình quân của Viên chức QLDN (ngân đồng/người/tháng)		Số liệu báo cáo tài chính	
		2014	2015	2014	2015	Đã kiểm toán	Chưa kiểm toán
1	2	159	160	161	162	163	164
I	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND						
1	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích						
	- Công ty TNHH MTV Phà An Giang						
	- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi						
	- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	1.272	1.334	20.920	20.950	X	
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh						
	Công ty TNHH MTV Xây lắp						
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Signature)

Võ Thị Ngọc Bích

An Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên)



NGUYỄN NGỌC SƠN

PHỤ LỤC SỐ 3

BẢO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC NĂM 2015
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

(Mẫu báo cáo kèm theo công văn số 10691/BTC-TCĐN ngày 02/8/2016 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng số đầu tư ra ngoài doanh nghiệp (số dư tại thời điểm 31/12/2015) (V.17=V.18+V.19+V.20+V.21+V.22+V.23+V.24)		Đầu tư vào Công ty Chứng khoán (V.18)				Quỹ đầu tư (V.19)			
		31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	Số tăng thêm trong năm	Số thoái trong năm (ghi theo giá trị số sách kế toán)	31/12/2015	31/12/2014	Số tăng thêm trong năm	Số thoái trong năm (ghi theo giá trị số sách kế toán)	31/12/2015
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
II	DNNĐC LẬP THUỘC BỘ, UBND										
I	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích										
-	Công ty TNHH MTV Phà An Giang										
-	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi										
-	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị										
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh										
	Công ty TNHH MTV Xây lắp										
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết										

Ghi chú:

- Phụ lục số 3 áp dụng tổng hợp số liệu của các DNNĐC thuộc Bộ quản lý ngành, UBND cấp tỉnh

- Để thuận lợi cho công tác tổng hợp, đề nghị các đơn vị sử dụng đúng biểu mẫu báo cáo, không thêm, bớt dòng, cột; điền số liệu báo cáo đúng theo đơn vị tính quy định tại biểu mẫu.

- Thư điện tử gửi về Bộ Tài chính để nghị ghi rõ tên file (VD: BC_BO CONG THUONG hoặc BC_UBND tỉnh BAC NINH)

PHỤ LỤC SỐ 3



Số TT	Chi tiêu	Công ty Bảo hiểm (V.20)				Công ty Tài chính - Ngân hàng TMCP (V.21)			
		31/12/2014	Số tăng thêm trong năm	Số thoái trong năm (ghi theo giá trị số sách kế toán)	31/12/2015	31/12/2014	Số tăng thêm trong năm	Số thoái trong năm (ghi theo giá trị số sách kế toán)	31/12/2015
I	2	13	14	15	16	17	18	19	20
II	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND								
1	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích								
-	Công ty TNHH MTV Phà An Giang								
-	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi								
-	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị								
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh								
	Công ty TNHH MTV Xây lắp								
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết								

PHỤ LỤC SỐ 3



Số TT	Chỉ tiêu	Bất động sản (V.22)				Lĩnh vực khác thuộc ngành nghề kinh doanh chính hoặc có liên quan trực tiếp đến ngành nghề kinh doanh chính (V.23)			
		31/12/2014	Số tăng thêm trong năm	Số thoái trong năm (ghi theo giá trị sổ sách kế toán)	31/12/2015	31/12/2014	Số tăng thêm trong năm	Số thoái trong năm (ghi theo giá trị sổ sách kế toán)	31/12/2015
I	2	21	22	23	24	25	26	27	28
II	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND								
1	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích								
-	Công ty TNHH MTV Phà An Giang								
-	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi								
-	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị								
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh								
	Công ty TNHH MTV Xây lắp								
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết								



PHỤ LỤC SỐ 3

Số TT	Chỉ tiêu	Lĩnh vực khác ngoài ngành nghề kinh doanh chính (V.24)			
		31/12/2014	Số tăng thêm trong năm	Số thoái trong năm (ghi theo giá trị số sách kế toán)	31/12/2015
I	2	29	30	31	32
II	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND				
I	DN cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích				
	Công ty TNHH MTV Phà An Giang				
	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi				
	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị				
2	DN hoạt động sản xuất kinh doanh				
	Công ty TNHH MTV Xây lắp				
	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết				

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Bích

An Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2016

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Độc lập, khách quan, trung thực, chính xác



NGUYỄN NGỌC SƠN